

Bản án số: **14/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-3-2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc
2. Bà Võ Thị Ngọc Mai;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 7 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20/12/2021, về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/2/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kim Th, sinh năm 2002. Có mặt.

Địa chỉ: Số 13 đường 39 ĐT 717, xóm 5, thôn 3, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Dương Công H, sinh 1999. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 219 đường ĐT 766, tổ 5, thôn 8, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2021 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị Kim Th trình bày: Chị Th và anh Dương Công H, sinh năm 1999, yêu nhau và được gia đình cha, mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào khoảng tháng 7 hoặc tháng 8 năm 2019, lúc này chị Th chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định. Đến tháng 3/2021 chị Th và anh H mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã MP. Việc kết hôn của anh chị là tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H. Anh H không có nghề nghiệp, chỉ sống dựa vào cha, mẹ và tiền làm thuê của chị Th. Ngoài ra, anh H còn uống rượu, về gây gổ, đánh đập chị Th nhiều lần; sử dụng và bị nghiện chất ma túy (tháng 2/2021 Tòa án có quyết định đưa anh H vào cơ sở cai nghiện bắt buộc). Chị Th xác định không còn tình cảm với anh H, nên yêu cầu được ly hôn. Chị Th và anh H có 01 con chung, sinh ngày 27/2/2020, nhưng chưa khai sinh, vì lúc sinh chưa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh H không chịu làm thủ tục khai sinh cho con, nên chị Th chưa yêu cầu giải quyết về nuôi con. Tài sản chung không có.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Công H không đến Tòa án để tham gia tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H và cũng không tiến hành hòa giải được. Theo lời chị Th trình bày là vì anh H không muốn ly hôn, nên không đến Tòa án.

Qua xác minh cho thấy vợ chồng chị Th và anh H sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, đánh đập chị Th. Chị Th và anh H sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 và không có lý do, nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự*: Bị đơn anh Dương Công H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về hôn nhân*: Tuy chị Th và anh H khi cưới nhau chưa đủ tuổi kết hôn, nhưng sau khi chị Th đủ tuổi kết hôn, thì hai bên tự nguyện đăng ký kết hôn vào tháng 3/2021, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H không có nghề nghiệp, lại sử dụng và nghiện chất ma túy. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện vợ chồng sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con và tài sản chung*: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] *Về kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố: Chị Trương Thị Kim Th ly hôn anh Dương Công H.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009020 ngày 20/12/2021. Chị Th đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (7/3/2022). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
 -TAND tỉnh;
 -VKSND huyện;
 -CCTHADS huyện;
 -Đương sự;
 -Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái